

Số: 748/QĐ-UBND

Thái Bình, ngày 07 tháng 4 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện
dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2022

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Theo đề nghị của Sở Tài chính (Văn bản số 710/STC-QLNS ngày 06/4/2022).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu, thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước Quý I năm 2022 theo các biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài chính; Thủ trưởng các sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố; Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /ong

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- TT Tỉnh ủy;
- TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu VT, KTTC

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Khắc Thận

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh Thái Bình)



Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG THU NSNN	17.999.669	8.502.336	47,2	133,0
A	TỔNG THU NSDP	15.192.499	7.420.266	48,8	129,2
I	Thu NSNN trên địa bàn	10.054.000	3.057.125	30,4	126,7
1	Thu nội địa	8.454.000	2.221.172	26,3	109,5
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	1.600.000	835.953	52,2	218,1
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang		3.424.747		
III	Trợ cấp NSTW	7.945.669	2.002.772	25,2	
IV	Thu kết dư ngân sách				
V	Tạm thu ngân sách huyện, xã				
VI	Thu từ các khoản cho vay của NN		9.708		
VII	Các khoản ghi thu trên địa bàn		7.983		
B	TỔNG CHI NSDP	15.192.499	3.623.152	24	97
I	Chi cân đối NSDP	15.189.799	3.495.474	23	105
1	Chi đầu tư phát triển	4.650.703	1.536.613	33	97
2	Chi thường xuyên	10.257.705	1.904.379	19	108
3	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.000	304		
4	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
5	Chi nộp ngân sách cấp trên				
6	Dự phòng ngân sách	274.941			
II	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
III	Các khoản ghi chi trên địa bàn		7.983		
C	BỘI CHI NSDP/BỘI THU NSDP	2.700			
D	CHI TRẢ NỢ GỐC		54.178		
E	CHI TẠM ỨNG		119.695		



THỰC HIỆN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ I NĂM 2022
(Kèm theo Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh Thái Bình)

Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DỰ TOÁN NĂM	CÙNG KỶ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN	10.054.000	3.057.125	30,4	126,7
I	Thu nội địa	8.454.000	2.221.172	26,3	109,5
1	Thu từ khu vực DNNN	565.000	133.452	23,6	87,9
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	120.000	39.217	32,7	97,8
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.782.000	529.200	29,7	122,8
4	Thuế thu nhập cá nhân	270.000	134.310	49,7	136,4
5	Thuế bảo vệ môi trường	2.200.000	428.115	19,5	108,7
6	Lệ phí trước bạ	355.000	100.927	28,4	110,0
7	Thu phí, lệ phí	85.000	31.550	37,1	115,1
8	Các khoản thu về nhà, đất	2.878.000	743.615	25,8	101,8
-	<i>Thuế sử dụng đất nông nghiệp</i>	-	-	-	-
-	<i>Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp</i>	15.000	6.285	41,9	1.065,8
-	<i>Thu tiền sử dụng đất</i>	2.723.000	711.973	26,1	103,5
-	<i>Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước</i>	140.000	25.357	18,1	59,9
-	<i>Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước</i>	-	-	-	-
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	16.000	4.390	27,4	44,8
10	Thu lợi nhuận còn lại	6.000	-	-	-
11	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	55.000	20.051	36,5	130,4
12	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	20.000	10.916	54,6	168,0
13	Thu khác ngân sách	100.000	45.429	45,4	141,3
14	Thu tiền sử dụng khu vực biển	2.000	-	-	-
II	Thu từ dầu thô	-	-	-	-
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	1.600.000	835.953	52,2	218,1
IV	Thu viện trợ	-	-	-	-
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP	7.246.830	1.975.054	27,3	
1	Từ các khoản thu phân chia	3.149.100	892.144		
2	Các khoản thu NSDP được hưởng 100%	4.097.730	1.082.910		

THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022

(Kèm theo Quyết định số 748/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh Thái Bình)



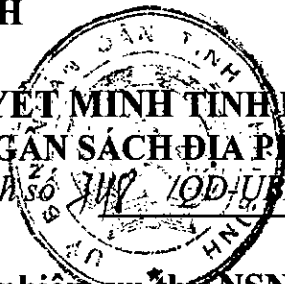
Đơn vị: triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	THỰC HIỆN QUÝ I	SO SÁNH ƯỚC THỰC HIỆN VỚI (%)	
				DT NĂM	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2/1	4
	TỔNG CHI NSDP	15.192.499	3.623.152	24	97
A	CHI CÂN ĐỐI NSDP	15.189.799	3.495.474	23	105
I	Chi đầu tư phát triển	4.650.703	1.536.613	33	97
1	Chi đầu tư cho các dự án	4.650.703	1.536.613	33	97
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các DN hoạt động công ích				
II	Chi thường xuyên	10.257.705	1.904.379	19	108
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo	4.250.120	747.613	18	104
2	Chi sự nghiệp y tế, DS KHH GD	846.646	155.974	18	113
3	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	33.916	5.715	17	128
4	Chi sự nghiệp văn hóa TT.TT & DL	158.891	22.489	14	110
5	Chi SN phát thanh truyền hình	54.814	8.728	16	85
6	Chi đảm bảo XH	1.342.746	323.834	24	121
7	Chi sự nghiệp kinh tế	1.054.384	112.572	11	102
	<i>Trong đó:</i>				
	-Sự nghiệp nông nghiệp, thủy lợi	62.969	47.055	75	
	-SN kinh tế khác	512.513	33.518	7	
	-Chi hỗ trợ cho DN do miễn giảm thủy lợi phí	301.045	32.000	11	
8	Chi sự nghiệp Tài nguyên và môi trường	437.862	17.027	4	132
9	Chi quản lý hành chính	1.689.194	413.712	24	107
10	Chi trợ giá	15.500	3.000	19	100
11	Chi khác ngân sách	80.746	4.749	6	104
III	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	5.000	304		
IV	Dự phòng ngân sách	274.941			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	1.450			
V	Chi trả nợ gốc		54.178		
B	BỘI THU NSDP	2.700			
C	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA				
D	CÁC KHOẢN GHI CHI TRÊN ĐỊA BÀN		7.983		
E	CHI TẠM ỨNG		119.695		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI BÌNH**

**THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN DỰ TOÁN
NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ I NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 117/QĐ-UBND ngày 07/4/2022 của UBND tỉnh Thái Bình)



1. Thực hiện nhiệm vụ thu NSNN

Tổng thu ngân sách nhà nước (NSNN) thực hiện 3 tháng đầu năm 8.502,3 tỷ đồng, đạt 47,2% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 133,0% so với cùng kỳ năm 2021.

Tổng thu ngân sách địa phương (NSDP) thực hiện 3 tháng đầu năm 7.420,2 tỷ đồng, đạt 48,8% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 129,2% so với cùng kỳ năm 2021.

Một số khoản thu thực hiện như sau:

1.1. Thu nội địa: thực hiện 2.221,1 tỷ đồng, đạt 26,3% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 109,5% so với cùng kỳ năm 2021.

1.2. Thu từ hoạt động xuất, nhập khẩu: thực hiện 835,9 tỷ đồng, đạt 52,2% dự toán giao, bằng 218,1% so với cùng kỳ năm 2021.

1.3. Thu chuyển nguồn năm trước sang: 3.424,7 tỷ đồng.

1.4. Thu bổ sung từ ngân sách Trung ương: thực hiện 2.002,7 tỷ đồng, đạt 25,2% dự toán năm.

2. Thực hiện nhiệm vụ chi ngân sách địa phương

Tổng chi NSDP thực hiện 3 tháng đầu năm 3.623,1 tỷ đồng, đạt 24% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 97% so với cùng kỳ năm 2021, trong đó:

2.1. Chi đầu tư phát triển: thực hiện 1.536,6 tỷ đồng, đạt 33% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 97% so với cùng kỳ năm 2021.

2.2. Chi tiêu dùng thường xuyên: thực hiện 1.904,3 tỷ đồng, đạt 19% dự toán Hội đồng nhân dân tỉnh giao, bằng 108% so với cùng kỳ năm 2021, đã đáp ứng nhu cầu chi lương, các khoản an sinh xã hội, chi trợ cấp trong dịp Tết Nguyên đán năm 2022, cụ thể:

Sự nghiệp khoa học công nghệ thực hiện 5,7 tỷ đồng, đạt 17% dự toán năm; chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề thực hiện 747,6 tỷ đồng, đạt 18% dự toán năm; chi sự nghiệp văn hoá thể thao du lịch thực hiện 22,4 tỷ đồng, đạt 14% dự toán năm; sự nghiệp y tế, dân số kế hoạch hóa gia đình thực hiện 155,9 tỷ đồng, đạt 18% dự toán năm; chi đảm bảo xã hội thực hiện 323,8 tỷ đồng, đạt 24% dự toán năm; chi quản lý hành chính thực hiện 413,7 tỷ đồng, đạt 24% dự toán năm.

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

THÁI